

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 44/2018/HSST
Ngày 23/11/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi T Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thiện;

Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Giáp Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2018/HSST ngày 09/11/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2018/QĐXXST-HS, ngày 12/11/2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Xuân Th, sinh năm 1988;

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông: Phạm Xuân N, sinh năm 1962; con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; Vợ: Trần Thị Ph, sinh năm 1990, Điều cư trú thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Con: Bị cáo có 01 con, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Triệu Văn T, sinh năm 1990

Tên gọi khác: Không có.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn T, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông: Triệu Minh Đ, sinh năm 1947; con bà: Phùng Thị Thúy X, sinh năm 1947, Điều ở thôn T, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Vợ: Nguyễn Thị Th sinh năm 1991, ở thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1995

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Tr, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 09/12; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1971; con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; Vợ: Lưu Thị Ngọc L, sinh năm 1996, Đều ở thôn Tr, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Con: Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: Phạm Thành L, sinh năm 1983

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông: Phạm Công L, sinh năm 1956; con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; Vợ: Dương Thị T, sinh năm 1991, Đều ở thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: Thân Văn Th1, sinh năm 1982

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Q, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 07/12; con ông: Thân Đức X, sinh năm 1963; con bà: Phạm Thị L, sinh năm 1962; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1983; Đều ở thôn Q, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

6. Họ và tên: Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1991

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Q, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 11/12; con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1967; con bà: Thân Thị Th, sinh năm 1972; Đều ở thôn Q, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Vợ,

con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

7. Họ và tên: Nguyễn Bá Th3, sinh năm 1993

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Q, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 09/12; con ông: Nguyễn Bá M, sinh năm 1970; con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1973; Vợ: Đỗ Thị N, sinh năm 1998; Đều ở thôn Q, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 21/8/2018, Phạm Xuân Th, sinh năm 1988 cư trú thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang đang ở nhà trông coi quản lý quán Internet của gia đình thì có Nguyễn Bá Th3, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn Th2 sinh năm 1991, đều cư trú thôn Q, xã Ng, huyện T, đến quán Internet của Th để chơi game. Th1 và Th2 chơi game một lúc thì Nguyễn Bá Th3 rủ Th và Th2 đánh bạc ăn tiền được Th và Th2 đồng ý. Th đi mua 01 bộ bài lơ khơ 52 quân về rồi cùng với Th1 và Th2 đi lên phòng khách tầng 02 nhà mình ngồi tại vị trí được trải sẵn 01 chiếc chiếu tre. Phạm Xuân Th, Nguyễn Bá Th3 và Nguyễn Văn Th2 cùng nhau đánh bạc dưới hình thức “chơi liêng” ăn tiền, mức đặt cửa 10.000 đồng và tổ cao nhất là 50.000 đồng.

Phạm Xuân Th, Nguyễn Bá Th3 và Nguyễn Văn Th2 cùng nhau đánh bạc được khoảng 30 phút thì lần lượt có Thân Văn Th1, sinh năm 1982 ở thôn Q, xã Ng, huyện T; Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1995 ở thôn Tr, xã N, huyện T; Triệu Văn T, sinh năm 1990 ở thôn T, xã Ng, huyện T; Phạm Thành L, sinh năm 1983 ở thôn C, xã Ng, huyện T, đến nhà Phạm Xuân Th thấy có hoạt động đánh bạc thì Thân Văn Th1, Nguyễn Văn Đ, Triệu Văn T và Phạm Thành L cùng vào tham gia đánh bạc cùng với Phạm Xuân Th, Nguyễn Bá Th3 và Nguyễn Văn Th2. Các đối tượng trên cùng nhau đánh bạc đến khoảng 12 giờ cùng ngày 21/8/2018 thì bị lực lượng Công an huyện T kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm:

- 01 bộ bài lơ khơ 52 quân, thu tại bàn bạc;
- Số tiền 5.210.000 đồng, thu trên bàn bạc;
- 01 chiếc chiếu tre đã qua sử dụng.

Ngoài ra còn thu giữ của Nguyễn Văn Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu bạc, số Imel: 865259030697490 và 01 ví da màu nâu, bên trong có số

tiền 5.900.000 đồng; Thu giữ của Thân Văn Th1: 01 điện thoại ASUS màu nâu, số Imel: 352111084781821 điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 3.930.000 đồng; Thu giữ của Phạm Thành L: 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, số Imel: 351859/07/027324/2 điện thoại cũ, đã qua sử dụng; Thu giữ của Nguyễn Bá Th3: 01 điện thoại nhãn hiệu Philips màu đen - ghi đã qua sử dụng, số Imel: 86287033680466; Thu giữ của Triệu Văn T: 01 điện thoại nhãn hiệu SamSung màu trắng bạc, đã qua sử dụng, số Imel: 3584960608197 và 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 1.000.000 đồng; Thu giữ của Phạm Xuân Th: 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đã qua sử dụng, số Imel: 359157076366181.

Cùng ngày Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Phạm Xuân Th, kết quả thu giữ: 05 khối hình hộp chữ nhật được dán kín bên ngoài bằng giấy màu, được liên kết bởi 36 khối hình trụ nghi là pháo, thu tại dưới gầm giường trong phòng ngủ trên tầng 2 bên trái cạnh cầu thang.

Tại Kết luận giám định số 4692/C09-P2 ngày 24/8/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: “Mẫu vật gửi đến giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo, khi đốt có gây tiếng nổ). Tổng khối lượng là 7,2 kg”.

Quá trình điều tra xác định nguồn gốc 05 khối hình hộp chữ nhật được dán kín bên ngoài bằng giấy màu, được liên kết bởi 36 khối hình trụ thu giữ khi khám xét khẩn cấp đối với Phạm Xuân Th là do Phạm Xuân Th trực tiếp mua tại tỉnh Lạng Sơn với giá 250.000 đồng/1 bộ từ thời điểm đầu năm 2018, Th đem về cất giấu dưới gầm giường trong phòng ngủ trên tầng 2 bên trái của nhà mình, mục đích để đốt chơi.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã chứng minh tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 5.210.000 đồng, là số tiền thu trên chiếu bạc (trong đó: Phạm Xuân Th khai sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Bá Th3 khai sử dụng số tiền 780.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Văn Th2 khai sử dụng số tiền 650.000 đồng để đánh bạc, Thân Văn Th1 khai dùng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Văn Đ khai sử dụng số tiền 1.400.000 đồng để đánh bạc, Triệu Văn T khai sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, Phạm Thành L khai sử dụng số tiền 680.000 đồng để đánh bạc).

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 08 tháng 11 năm 2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Th, Nguyễn Bá Th3, Th2, Thân Văn Th1, Đ, T, L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Th về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo điểm c khoản 1 điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi đánh bạc và bị cáo Th thừa nhận hành vi tàng trữ hàng cấm của mình, lời thừa nhận của các bị cáo phù hợp với

các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Th, Nguyễn Bá Th3, Th2, Thân Văn Th1, Đ, T, L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Th về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo điểm c khoản 1 điều 191 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; khoản 1, khoản 3 Điều 321 Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Th.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Bá Th3, Thân Văn Th1, Nguyễn Văn Đ, Phạm Thành L, Nguyễn Văn Th2.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Văn T.

Đề nghị xử phạt:

- Phạm Xuân Th từ 10 tháng đến 12 tháng tù về tội “đánh bạc”, từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù về tội “tàng trữ hàng cấm”, tổng hợp hình phạt là từ 18 tháng tù đến 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ và thời gian thi hành án (từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018). Phạt bổ sung 20.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Nguyễn Bá Th3 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Nguyễn Văn Đ 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Nguyễn Văn Th2 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Phạm Thành L 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Thân Văn Th1 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Triệu Văn T 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Xuân Th, Nguyễn Bá Th3, Thân Văn Th1, Nguyễn Văn Đ, Phạm Thành L, Nguyễn Văn Th2, Triệu Văn T tự bào chữa: các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” và bị cáo Th nhất trí với quyết định truy tố về tội “Tàng trữ hàng cấm”. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát. Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, bị cáo Th đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, các bị cáo Nguyễn Bá Th3, Th2, Thân Văn Th1, Đ, T, L đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, ngày 21/8/2018, Cơ quan điều tra công an huyện T bắt quả tang 07 đối tượng gồm: Phạm Xuân Th, Triệu Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Thành L, Thân Văn Th1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá Th3 đang thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền tại nhà của Phạm Xuân Th. Số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc được chứng minh là 5.210.000 đồng. Cùng ngày, khi thực hiện lệnh khám xét khẩn cấp đối với Phạm Xuân Th, Công an huyện T phát hiện Th có hành vi tàng trữ trái phép 7,2 kg pháo tại gầm giường trong phòng ngủ, trên tầng 2 bên trái cạnh cầu thang của gia đình Th. Tại kết luận giám định số 4692/C09-P2, đã kết luận toàn bộ số pháo trên có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo, khi đốt có gây tiếng nổ). Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở xác định các bị cáo Phạm Xuân Th, Triệu Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Thành L, Thân Văn Th1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá Th3 phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, bị cáo Th phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”, theo điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, của các tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc, xem xét một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo Phạm Xuân Th, Triệu Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Thành L, Thân Văn Th1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá Th3 hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét về tính chất của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không chủ động phân

công nhiệm vụ rõ ràng nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn, do vậy cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Phạm Xuân Th là chủ nhà, đã dùng địa điểm tại nhà mình để đánh bạc, bị cáo là người chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp tham gia đánh bạc với các đối tượng khác từ đầu đến khi bị bắt nên bị cáo có vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Bá Th3 là người khởi xướng việc đánh bạc và tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt, số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc nhiều thứ ba nên bị cáo có vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo Th2 tham gia đánh bạc từ đầu và số tiền dùng vào việc đánh bạc nhiều thứ 05 trong vụ án, bị cáo Đ sử dụng số tiền vào việc đánh bạc nhiều nhất nhưng bị cáo tham gia đánh bạc sau do đó bị cáo Th2, bị cáo Đ có vai trò thứ ba trong vụ án. Bị cáo L, T và Thân Văn Th1 tham gia đánh bạc sau bị cáo L sử dụng 680.000 đồng vào việc đánh bạc, bị cáo T sử dụng 500.000 đồng vào việc đánh bạc, bị cáo Thân Văn Th1 sử dụng 200.000 đồng vào việc đánh bạc, nên bị cáo L có vai trò thứ tư trong vụ án, bị cáo T có vai trò thứ năm trong vụ án và Thân Văn Th1 có vai trò thấp nhất trong vụ án.

Từ những tình tiết định tội, định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Phạm Xuân Th có vai trò chính trong vụ án đánh bạc và phạm nhiều tội nên cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian cần thiết nhằm dẫn dắt, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Nhưng bị cáo phạm tội lần đầu có nhân thân tốt nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Thành L, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá Th3 phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, cụ thể và rõ ràng nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng lượng khoan hồng cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành con người làm ăn lương thiện.

Đối với Thân Văn Th1, có vai trò thứ yếu trong vụ án và bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, cụ thể và rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo không phạm tội nào khác nên cần cho bị cáo cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Bị cáo có thu nhập bình quân hàng tháng là 3.600.000 đồng, nên cần khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo với mức là 350.000 đồng/tháng.

Về hình phạt bổ sung:

Đối với bị cáo Phạm Xuân Th, phạm tội Đánh bạc và tội tàng trữ hàng cấm, lẽ ra bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung cho cả hai tội nhưng xét thấy bị cáo phải nuôi con nhỏ, kinh tế gia đình khó khăn nên cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo về tội tàng trữ hàng cấm. Cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự phạt bị cáo một khoản tiền sung công quỹ nhà nước.

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Thành L, Thân Văn Th1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá Th3 phạm tội có tính chất vụ lợi và các bị cáo có tài sản, có thu nhập nên cần áp dụng, khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối Bộ luật hình sự phạt các bị cáo một khoản tiền sung công quỹ nhà nước. Bị cáo Triệu Văn T thuộc diện hộ cận nghèo nên cần miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Khi lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra đã lập biên bản thu giữ, trong đó có:

01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu tre đã qua sử dụng. Đây là những công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

04 khối hộp, vỏ ngoài bọc giấy màu, bên trong mỗi khối gồm 36 vật hình trụ, một đầu mỗi vật gắn giấy ngòi liên kết với nhau và 01 hộp bìa cattông là vật cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.210.000 đồng là tiền đánh bạc, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu bạc, số Imel: 865259030697490 và 01 ví da màu nâu, bên trong có số tiền 5.900.000 đồng là tài sản của của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại ASUS màu nâu, số Imel: 352111084781821 điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 3.930.000 đồng là tài sản của Thân Văn Th1; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, số Imel: 351859/07/027324/2 điện thoại cũ, đã qua sử dụng là tài sản của Phạm Thành L, không dùng vào việc đánh bạc; 01 điện thoại nhãn hiệu Philips màu đen - ghi đã qua sử dụng, số Imel: 86287033680466 là tài sản của Nguyễn Bá Th3; 01 điện thoại nhãn hiệu SamSung màu trắng bạc, đã qua sử dụng, số Imel: 3584960608197 và 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 1.000.000 đồng là tài sản của Triệu Văn T; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đã qua sử dụng, số Imel: 359157076366181 là tài sản của Phạm Xuân Th, các tài sản trên không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Triệu Văn T thuộc diện hộ cận nghèo nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại 331 Bộ luật hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191; khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 55, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân Th phạm tội “Tàng trữ hàng cấm” và tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân Th 08 (tám) tháng tù về tội Đánh bạc, 06 (sáu) tháng tù về tội Tàng trữ hàng cấm. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 14 (mười bốn) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018) vào thời gian thụ hình. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá Th3 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Th3 07 (bảy) tháng tù. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/11/2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th2 06 (sáu) tháng tù. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/11/2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) tháng tù. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/11/2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Phạm Thành L phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thành L 06 (sáu) tháng tù. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/11/2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 06 (sáu) tháng tù. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/11/2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Thành L, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá Th3, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Thân Văn Th1 phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt bị cáo Thân Văn Th1 06 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018) vào thời gian cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập 350.000 đồng/01tháng. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày, chính quyền địa phương được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu tre đã qua sử dụng; 04 khối hộp, vỏ ngoài bọc giấy màu, bên trong mỗi khối gồm 36 vật hình trụ, một đầu mỗi vật gắn giây ngòi liên kết với nhau và 01 hộp bìa cattông.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 5.210.000 đồng, theo ủy nhiệm chi lập ngày 09/11/2018.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu bạc, số Imel: 865259030697490 và 01 ví da màu nâu, số tiền 5.900.000 đồng (theo ủy nhiệm chi lập ngày 09/11/2018); trả lại bị cáo Thân Văn Th1 01 điện thoại ASUS màu nâu, số Imel: 352111084781821 điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 ví da màu nâu, số tiền 3.930.000 đồng (theo ủy nhiệm chi lập ngày 09/11/2018); trả lại bị cáo Phạm Thành L 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, số Imel: 351859/07/027324/2 điện thoại cũ, đã qua sử dụng; trả lại bị cáo Nguyễn Bá Th3 01 điện thoại nhãn hiệu Philips màu đen - ghi đã qua sử dụng, số Imel:

86287033680466; trả lại bị cáo Triệu Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu SamSung màu trắng bạc, đã qua sử dụng, số Imel: 3584960608197 và 01 ví da màu nâu, số tiền 1.000.000 đồng (theo ủy nhiệm chi lập ngày 09/11/2018); trả lại bị cáo Phạm Xuân Th 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đã qua sử dụng, số Imel: 359157076366181. Nhưng tam giữ toàn bộ các tài sản trên để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Th, Đ, L, Thân Văn Th1, Nguyễn Bá Th3, Th2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND, THADS, Công an huyện;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy